

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/DSST - ST
Ngày: 15/9/2017.
Vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Phương Dung**.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Trần Xuân Sáng**
+ Bà **Kơ Să K’Nga**

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Hà Hải Dương** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, xét xử công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Cao Thị M**, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Thôn Đa Nghịt, xã Lát, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Hạnh – Văn phòng Luật sư Thành Phát, thuộc Đoàn Luật sư Lâm Đồng; Địa chỉ: Số 297 (số mới) Hai Bà Trưng, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Liêng Hót S**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Thôn Đa Nghịt, xã Lát, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **K’ Đ**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Thôn Đa Nghịt, xã Lát, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

(Tất cả đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bà Cao Thị M thì:*

Bà và vợ chồng ông Liêng Hót S, bà K'Đ có quan hệ làm ăn buôn bán với nhau nhiều năm. Từ việc quen biết này, nên vào ngày 01/7/2015 bà có cho ông Liêng Hót S vay số tiền là 169.000.000đ, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn thanh toán là ngày 01/7/2016. Đến hạn, ông S không trả nợ như cam kết, bà đã nhiều lần yêu cầu ông S trả nợ, song ông S không thực hiện. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Liêng Hót S, bà K'Đ phải trả cho bà tổng số tiền là 206.180.000đ trong đó 169.000.000đ tiền nợ gốc và 37.180.000đ số tiền nợ lãi (theo mức lãi suất 1% x 169.000.000đ x 22 tháng), tiền lãi tính đến ngày 23/5/2017.

** Ông Liêng Hót S trình bày:*

Vợ chồng ông và bà M có quan hệ làm ăn với nhau từ năm 2006, theo hình thức ông vay tiền và mua phân bón của bà M, sau đó đến vụ mùa cà phê thì ông phải bán cà phê cho bà M để trừ nợ. Vào thời điểm năm 2006 ông có vay của bà M số tiền là 43.000.000đ (trong đó là 35.000.000đ tiền mặt và ông mua của bà M bộ bàn ghế Sa Long trị giá 8.000.000đ).

Đến năm 2013 và năm 2014 vợ chồng ông có bán cho bà Cao Thị M 3.000kg cà phê nhân các loại tương đương với số tiền tại thời điểm đó là 90.000.000đ, sau khi bán cà phê xong bà M chưa thanh toán số tiền cho vợ chồng ông. Nay ông yêu cầu bà M trả số tiền trên (90.000.000đ tiền bán cà phê) cho vợ chồng ông; ông đồng ý để bà M trừ đi số nợ vợ chồng ông nợ bà M là 43.000.000đ, số còn lại 47.000.000đ, ông yêu cầu bà M phải thanh toán cho ông.

Đối với giấy vay tiền mà ông ký ngày 01/7/2015, với số tiền 169.000.000đ ông ký là do bà M ép buộc, nên ông không chấp nhận trả theo yêu cầu của bà M.

** Bà K'Đ trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Liêng Hót S.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên toà hôm nay, bà Cao Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, là yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Liêng Hót S và bà K'Đ trả 169.000.000đ nợ gốc, cùng 37.180.000đ nợ lãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thống nhất yêu cầu của nguyên đơn.

Còn bị đơn là ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, là buộc bà M phải thanh toán cho ông 47.000.000đ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương có ý kiến:*

- Về phần chấp hành thủ tục tố tụng trong việc giải quyết vụ án của Toà án đầy đủ. Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần thứ nhất là

vi phạm khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn (bà M), buộc vợ chồng ông Liêng Hót S và bà K'Đ phải trả cho bà M 206.180.000đ; bác yêu cầu phản tố của bị đơn (ông S); buộc vợ chồng ông S, bà K'Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà nguyên đơn (bà M).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Do có quan hệ làm ăn, buôn bán với nhau từ nhiều năm trước đây giữa bà Cao Thị M và vợ chồng ông Liêng Hót S, bà K'Đ. Vào ngày 01/7/2015 bà M và ông S có xác lập hợp đồng vay tài sản. Do các bên không tự giải quyết được với nhau nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà M) thì: Ngày 01/7/2015 giữa bà M và ông S có xác lập hợp đồng vay tài sản (vay tiền); ông S thừa nhận có ký và ghi họ tên trong giấy vay tiền do bà M xuất trình (BL 07); song lại cho rằng việc ký giấy này là do bị bà M ép buộc, nên không chấp nhận thanh toán theo yêu cầu của bà M; ông đã gửi đơn đến Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Lạc Dương tố cáo bà M. Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Lạc Dương đã có văn bản xác định: giao dịch vay tiền giữa ông S và bà M là giao dịch dân sự; trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, ông S không chứng minh được việc mình bị ép buộc. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở xem xét.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn (ông S) thì: Việc ông S cho rằng vào năm 2006 ông có vay tiền và mua của bà M bộ bàn ghế Sa Long, tổng số tiền ông nợ bà M là 43.000.000đ. Đến năm 2013 và 2014 vợ chồng ông có bán cho bà M 3.000kg cà phê nhân các loại, trị giá 90.000.000đ, nhưng chưa được bà M thanh toán, nên ông đề nghị bà M trả lại cho ông 47.000.000đ, sau khi lấy số tiền cà phê trừ đi số ông vay của bà M (90.000.000đ – 43.000.000đ); bà M không chấp nhận yêu cầu của ông S.

Qua xem xét thấy rằng, các bên đều xác nhận từ năm 2006 đến trước ngày 01/7/2015, đã tiến hành giao dịch mua bán cà phê, bàn ghế và vay tiền như bị đơn nêu. Giấy vay tiền các bên xác lập vào ngày 01/7/2015, là thời điểm sau cùng, song không thể hiện nội dung khấu trừ nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, lúc thì bị đơn thừa nhận có nợ khoản tiền 169.000.000đ như đã ký trong giấy vay tiền, lúc thì cho rằng số tiền ghi trong

giấy là không có thật, mà do bị nguyên đơn ép buộc; tại phiên tòa lại cho rằng do lỡ tay nên ký giấy vay tiền; song cũng không có căn cứ chứng minh lời trình bày của mình. Do đó, không có căn cứ để xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đối với việc tính lãi của nguyên đơn thì thấy rằng, thời điểm bị đơn vi phạm hợp đồng (01/7/2016) đến ngày làm đơn khởi kiện (23/5/2017), tiền lãi được tính với mức 1%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận yêu cầu này.

Về án phí : Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán và phải chịu án phí trên phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Cao Thị M. Buộc bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Liêng Hót S và bà K'D có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị M số tiền 206.180.000đ (trong đó 169.000.000đ tiền nợ gốc và 37.180.000đ).

- Bác yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Liêng Hót S, yêu cầu bà Cao Thị M trả cho ông S 47.000.000đ.

Kể từ ngày bà Cao Thị M có đơn thi hành án nếu vợ chồng ông Liêng Hót S và bà K'D chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Vợ chồng ông Liêng Hót S và bà K'D phải chịu 10.309.000đ

án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn và và 2.350.000đ án phí trên yêu cầu phản tố không được chấp nhận, tổng cộng phải chịu 12.659.000. Được trừ đi số tiền tạm ứng án đã nộp là 1.175.000đ tại biên lai số AA/2015/0001829 ngày 17/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Dương; vợ chồng ông S, bà K'Đ còn phải nộp tiếp 11.484.000đ.

Hoàn trả cho bà Cao Thị M 5.154.500đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA2015/0001814 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Dương

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lạc Dương;
- Chi cục THADS huyện Lạc Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phương Dung

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Sáng - Kơ Să K’Nga

Phạm Phương Dung

